TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 27/2023/DS-ST
Ngày: 08/8/2023.
V/v: Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên toà:* Ông Danh Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2023/TLST-DS, ngày 30 tháng 3 năm 2023, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cà B – sinh năm 1969, có mặt.

Địa chỉ: ấp 2, xã V, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Ông Tải Hoàng T – sinh năm 1979, có mặt.

Bà Nguyễn Hồng D – sinh năm 1982, có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị U – sinh năm 1952, có mặt.

Địa chỉ: ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh K.

Ông Nguyễn Văn Đ – sinh năm 1972, có mặt.

Địa chỉ: ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2023, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Cà B như sau:

Vào năm 2012, bà có cho vợ chồng ông Tải Hoàng T và bà Nguyễn Hồng D vay tiền nhiều lần, lần đầu vợ chồng ông T, bà D vay 15.000.000 đồng nhưng không có làm biên nhận. Sau đó, vợ chồng ông T, bà D vay thêm 20.000.000 đồng thì ghi biên nhận và cộng thêm 15.000.000 đồng vay lần đầu vào biên nhận thành 35.000.000 đồng. Khi thành lập chợ nhà lồng xã V thì vợ chồng ông T, bà D mở rộng cửa hàng bán điện thoại nên vay thêm 15.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k, vợ chồng ông T và bà D tự ghi biên nhận, ký tên rồi đưa lại cho bà, tổng số nợ là 50.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k. Đến tháng 12/2013 thì vợ chồng ông T, bà D vay thêm 10.000.000 đồng do bà D viết biên nhận. Tất cả các biên nhận do vợ chồng ông T và bà D tự ghi và ký tên đưa cho bà, tổng số tiền vợ chồng ông T, bà D vay của bà là 60.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k loại vàng 9999. Năm 2014, họ có trả lãi cho bà nhưng bao nhiêu bà không nhớ. Đối với tiền vay từ năm 2013 đến nay không có đóng lãi cho bà. Từ năm 2019 đến năm 2022, ông T có trả cho bà tổng cộng 15.500.000 đồng, bằng cách chuyển khoản.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gò Quao buộc ông Tải Hoàng T và bà Nguyễn Hồng D phải trả cho bà số tiền còn nợ bằng 44.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên từ tháng 12/2013 đến nay theo quy định của pháp luật và 02 chỉ vàng 24k loại vàng 9999.

Ngoài số nợ trên bà không hề cho vợ chồng ông T và bà D vay thêm số tiền nào khác. Do vợ chồng ông T, bà D không trả nợ cho bà nên bà không cho vay thêm đồng nào nữa. Bà D nói bà có cho vay thêm 20.000.000 đồng là hoàn toàn không đúng sự thật. Khi ông T yêu cầu đưa giấy nợ bà chưa có lục tìm thấy và bà cũng sợ đưa giấy nợ cho họ thì mất giấy coi như mất tiền, khi thưa ra ấp lần đầu có ông T thì bà không đem theo giấy nhưng lần sau bà đem theo giấy thì ông T vắng mặt nên không đưa cho ông T xem được. Khi bà thưa qua trường bà có đem giấy theo thì bà D nói trả rồi, ông T thì nói đưa giấy ra có chữ ký thì ông trả, sau đó ông T nói tính đầu năm vay tiền giáo viên để trả cho bà nhưng giờ làm lớn chuyện thì không trả. Thời gian đầu, bà D vay có trả lãi đầy đủ đến tháng 12/2013 vay thêm 10.000.000 đồng nữa thì ngưng không trả lãi cho đến nay. Năm 2014 bà D có đưa thêm cho bà mấy triệu đồng bà không nhớ chính xác.

Bà D trình bày về việc bà đưa cho bà D 02 chỉ vàng 24k đem bán là không đúng sự thật, có lần bà đưa cho bà D 05 chỉ vàng 24k (loại vàng thường), bà D đem đi bán thì tiệm vàng nói vàng thường bán mất giá nên bà không đồng ý bán và lấy lại vàng rồi gạt bỏ biên nhận (biên nhận này có nộp cho Tòa án). Còn 10.000.000 đồng

trong biên nhận ngày 25/12/2023 âm lịch, là bà đưa cho bà D bằng tiền mặt, không phải như bà D khai đưa vàng đi bán.

Bị đơn bà Nguyễn Hồng D trình bày:

Bà thừa nhận vợ chồng bà có vay của bà Trần Thị Cà B tổng cộng là 60.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k, giai đoạn 2012-2013, vợ chồng bà đóng lãi đầy đủ cho bà Trần Thị Cà B hàng tháng, tương đương 4.000.000 đồng/tháng. Từ ngày vay mượn cho đến cuối năm 2015, bà đã trả vốn và lãi hoàn thành nhưng quên nhận lại biên nhận. Giữa năm 2016, bà có tìm đến bà Trần Thị Cà B vay thêm 20.000.000 đồng, lấy tiền 02 lần cách nhau vài tháng, mỗi lần 10.000.000 đồng, có ghi biên nhận và hàng tháng bà Trần Thị Cà B xuống tiệm bà nhận 1.000.000 đồng tiền lãi/tháng/20.000.000 đồng. Đến tháng 6/2017, bà dời tiệm về nhà nên ngỏ ý với bà Trần Thị Cà B chậm tiền lãi lại đợi bà vay tiền ngân hàng bà sẽ trả gốc và lãi 01 lần. Bà Trần Thị Cà B đồng ý nhưng sau đó bà Cà B không thực hiện được lời hứa, đến tháng 11/2019 bà Cà B đến nhà gặp chồng bà để đòi nợ thì chồng bà xin trả dần mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng và đến tháng 8/2022, chồng bà có kêu bà Trần Thị Cà B báo tổng số tiền bà nợ là bao nhiêu và đưa biên nhận ra vì số nợ bà báo là không chính xác và chồng bà nghi ngờ bà có tự ý đi vay mượn thêm nên muốn bà Cà B đưa biên nhận để xác minh thì bà Cà B hứa hẹn và kéo dài thời gian không gửi biên nhận cho chồng bà và kể từ tháng 11/2022 chồng bà không chuyển tiền trả cho bà Trần Thị Cà B nữa.

Bà xác nhận chữ ký trong các biên nhận mà bà Trần Thị Cà B nộp cho Tòa án là chữ ký của bà.

Bà chỉ thống nhất trả số nợ còn lại tiền vốn là 4.500.000 đồng cộng với tiền lãi theo quy định của pháp luật từ 6/2017 đến tháng 11/2019 đối với số tiền vốn 20.000.000 đồng, mặc dù bà Trần Thị Cà B không đưa ra được giấy biên nhận nhưng bà vẫn chấp nhận trả số nợ này, bà không có chứng cứ gì chứng minh số nợ 20.000.000 đồng, vì khi vay tiền bà không có ghi sổ lại, bà chỉ ghi giấy nợ cho bà Cà B giữ. Bà nhớ bà có ghi biên nhận nợ số tiền 20.000.000 đồng là 02 lần mỗi lần 10.000.000 đồng, bà còn nhớ có lần bà Cà B đưa cho bà 02 chỉ vàng 24k, bà đem đến tiệm vàng bán được hơn 6 triệu đồng, bà mới điện thoại cho bà Cà B, thì bà Cà B xuống tiệm vàng và đưa bà thêm tiền cho đủ 10.000.000 đồng.

Đối với hai chỉ vàng 24k bà mượn của bà Cà B thì vào cuối năm 2015 bà mượn của ông Đang 20.000.000 đồng đi mua 02 chỉ vàng 24k (hết gần 7.000.000 đồng) để trả cho bà Cà B cùng với 10.000.000 đồng, tổng cộng hết khoảng 17.000.000 đồng. Lần trả này bà không còn nợ bà Cà B. Sau này đến giữa năm 2016, bà mới mượn lại 20.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Hồng D trình bày thêm: Bà mượn 10.000.000 đồng năm 2016, bà đến nhà bà Cà B lúc tối, bà Cà B đưa cho bà 02 chỉ vàng 24k, sáng hôm sau khoảng hơn 09 giờ, bà đem vàng đi bán và gọi bà Cà B xuống chứng kiến, bà Cà B xuống có đưa thêm tiền bằng 10.000.000 đồng.

Những biên nhận mà bà Cà B nộp cho Tòa án kiện vợ chồng bà thì bà cũng thừa nhận có nợ số tiền này nhưng bà đã trả hết số nợ này cho bà Cà B. Cuối năm 2022, chồng bà có hỏi bà Cà B tổng số nợ là bao nhiêu. Bà Cà B nhắn tin cho chồng bà là 60.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k, chồng bà nghi ngờ bà tự hỏi nợ mới nói với bà Cà B đưa giấy nợ có chữ ký thì mới trả, bà Cà B không chịu đưa giấy. Khi hòa giải ở ấp ông T chồng bà kêu đưa giấy nợ thì bà Cà B vẫn không đưa, lần thứ 2 thì chồng bà có việc nên vắng mặt. Khi bà Cà B thưa qua trường thì bà Cà B mới đưa giấy nợ lúc đó vợ chồng bà mới biết là giấy nợ cũ bà đã trả xong rồi. Bà yêu cầu xem xét vì sao số nợ này bà đã trả cả vốn và lãi mà bà Cà B yêu cầu tính lãi từ tháng 12/2013 cho đến nay.

Bị đơn ông Tải Hoàng T trình bày:

Khoảng thời gian năm 2012-2013, thì ông có nhận biên nhận do vợ ông đưa cho ông ký, ông có hỏi vợ ông mượn nợ của ai thì vợ ông nói của bà Cà B. Tiền vợ ông vay về đầu tư vào tiệm điện thoại. Ông chấp nhận ký giấy nợ. Thời gian sau, giao dịch vay nợ của vợ ông và bà Cà B như thế nào ông không rõ, ông chỉ nhớ có ký giấy nợ 02 lần cách nhau khoảng 02-03 năm, khi ký ông không có đọc biên nhận nợ ghi bao nhiêu tiền. Sau đó êm xui đến năm 2019 thì bà Cà B đến nhà nói chuyện với ông đòi nợ, ông thỏa thuận trả nợ mà ông không biết số nợ là bao nhiêu. Tháng 9/2022 ông yêu cầu bà Cà B cho biết số nợ thì bà Cà B nhắn tin cho ông số nợ là 60.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k.

Ông xác nhận 02 chữ ký trong 02 biên nhận do bà Trần Thị Cà B nộp cho Tòa án là chữ ký của ông. Năm 2016, ông có ký biên nhận nợ hay không ông không nhớ. Số nợ mà vợ ông nói trả cho bà Cà B ông cũng không biết. Bản thân ông có trả dần hàng tháng cho bà Cà B số tiền bằng 15.500.000 đồng. Khoảng năm 2014, ông có đi vay mượn bạn bè đồng nghiệp 10 chỉ vàng 24k và 20.000.000 đồng kêu vợ ông đem trả nợ còn vợ ông trả nợ cho ai thì ông không biết.

Thống nhất theo ý kiến của vợ là bà Nguyễn Hồng D. Bản thân ông có trả cho bà Cà B số tiền 15.500.000 đồng bằng cách trả dần và có ghi lại.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị U trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 29/6/2023 như sau: Bà là mẹ ruột của Nguyễn Hồng D, bà không có quan hệ họ hàng gì với bà Cà B. Vào năm nào bà không nhớ, bà có hốt 01 chân hụi được 40.000.000 đồng và cho bà D mượn, bà D nói mượn tiền trả cho bà Cà B. Sau đó, chồng bà sang đất chồng bà có cho bà D và ông T mượn thêm 80.000.000 đồng, lúc đó, bà D cũng

nói trả cho bà Cà B. Bà không tận mắt nhìn thấy bà D đưa tiền cho bà Cà B và bà cũng không có hỏi bà Cà B là bà D có trả tiền cho bà Cà B hay không. Bà chỉ nghe bà D nói là cầm 40.000.000 đồng của bà đưa trả hết cho bà Cà Bà, còn 80.000.000 đồng chồng bà cho mượn thì nghe bà D nói trả cho bà Cà B 20.000.000 đồng nữa.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn Đ trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 29/6/2023 như sau: Ông là anh rể của bà Nguyễn Hồng D và là cháu bà con kêu bà Cà B là cô. Vào năm 2015, ông có vay ngân hàng thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt ở Vị Thanh, sau khi vay tiền về thì 02 vợ chồng ông T và bà D lại nhà ông hỏi mượn ông hai lần tổng cộng bằng 50.000.000 đồng (lần đầu mượn 30.000.000 đồng và lần thứ hai mượn 20.000.000 đồng). Lúc đó, vợ chồng ông T và bà D nói do vay của người ta lãi cao phải trả lãi cao nên mượn của ông để trả cho người ta và bà D có nói mượn tiền này về trả cho bà Cà B nhưng ông không tận mắt nhìn thấy bà D đưa tiền cho bà Cà B.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Cà B trình bày thêm:

Những lời phía bị đơn trình bày là không đúng sự thật vì bà không hề cho vay số tiền 20.000.000 đồng như bà D khai, hơn nữa do phía bị đơn nợ số tiền 60.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 không chịu trả nên bà không hề cho vay thêm đồng nào.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gò Quao buộc ông Tải Hoàng T và bà Nguyễn Hồng D phải trả cho bà số tiền còn nợ bằng 44.500.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k loại vàng 9999. Bà xin rút cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Hồng D trình bày thêm:

Vào năm 2015, bà đã trả nợ cho bà Cà B 03 lần như sau: Lần đầu khi mẹ bà hốt hụi cho bà mượn 40.000.000 đồng thì bà trả cho bà Cà B số tiền 30.000.000 đồng; Lần thứ hai khi cha bà sang đất cho bà mượn 80.000.000 đồng thì bà trả cho bà Cà B số tiền 20.000.000 đồng; Lần thứ 3 bà mượn của anh rể là ông Nguyễn Văn Đang 20.000.000 đồng thì bà trả cho bà Cà B số tiền 10.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K. Vào tháng 6 hay tháng 7/2017, bà mở lại tiệm mới nên có hỏi vay của bà Cà B 10.000.000 đồng, lúc tối đến nhà bà Cà B làm giấy xong thì bà Cà B đưa cho bà 02 chỉ vàng 24K, bà đem bán được hơn 6.000.000 đồng, bà Cà B đưa thêm tiền cho đủ 10.000.000 đồng. Cuối năm 2016, bà vay thêm 10.000.000 đồng, như vậy số nợ bằng 20.000.000 đồng, bà đóng lãi mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng đến giữa năm 2017 bà dời tiệm về nhà nên bà xin ngưng lãi. Sau đó, bà Cà B không điện thoại nhắc và bà cũng không quan tâm do lúc đó bà đang rối rắm về tiền bạc. Năm 2019, bà Cà B gặp chồng bà đòi nợ, giữa hai người góp tiền qua lại bà không quan tâm. Đến giữa năm 2022, chồng bà có yêu cầu bà Cà B đưa báo số nợ thì bà Cà B nhắn tin cho chồng bà số nợ bằng 60.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K. Lúc đó, chồng bà có hỏi bà thì bà

nói chắc cộng dồn, cộng lãi gì vô chứ không có nợ. Chồng bà yêu cầu bà Cà B đưa biên nhận có chữ ký thì sẽ trả nhưng bà Cà B không đưa. Bà đoán từ năm 2019, bà Cà B kê lời rồi cộng dồn và báo với chồng bà số tiền nợ khoảng ba mươi mấy bốn mươi triệu nhưng bà không quan tâm do lúc đó bà không có tiền trả.

Nay bà đồng ý trả cho bà Cà B 20.000.000 đồng, yêu cầu không tính lãi đối với số tiền này, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa bị đơn ông Tải Hoàng T trình bày thêm:

Vào năm nào ông không nhớ, ông có vay nợ của bà Cà B, bao nhiêu tiền ông không nhớ, ông có ký biên nhận. Do làm ăn thất bại không còn khả năng chi trả nên ông có nói với bà Cà B để ông trả dần theo khả năng, sau đó ông vay tiền giáo viên sẽ trả đủ. Khi bà Cà B thưa ra ấp thì ông mới hỏi vợ ông nợ bao nhiêu, vợ ông nói nợ 20.000.000 đồng còn khớp trước trả rồi, ông có yêu cầu bà Cà B đưa biên nhận nhưng bà Cà B không đưa. Đến cuối năm 2022, ông đã trả cho bà Cà B trên 15.000.000 đồng. Tháng 10/2022, ông có yêu cầu bà Cà B photo gia61y nợ đưa cho ông nhưng bà Cà B không đưa.

Ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cà B. Ông đồng ý với ý kiến của vợ ông, ông đồng ý trả cho bà Cà B 20.000.000 đồng, yêu cầu không tính lãi đối với số tiền này, ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, vụ kiện được giải quyết đúng thời hạn quy định. Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử buộc bị đơn ông Tải Hoàng T và bà Nguyễn Hồng D phải trả cho bà Trần Thị Cà B số tiền hiện còn nợ 44.500.000 đồng và 02 chỉ vàng 24k loại vàng 9999. Đình chỉ một phần yêu cầu tính lãi của bà Trần Thị Cà B đối với số tiền 44.500.000 đồng do bà Cà B rút yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Trần Thị Cà B với ông Tải Hoàng T và bà Nguyễn Hồng D là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về thời hiệu khởi kiện: Vụ kiện còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Dân sự và Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp pháp luật.

Vào năm 2012 bà Trần Thị Cà B có cho vợ chồng ông Tải Hoàng T và bà Nguyễn Hồng D vay tiền nhiều lần với tổng số tiền bằng 60.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K loại vàng 9999. Khi bà Trần Thị Cà B cho vợ chồng ông Tải Hoàng T và bà Nguyễn Hồng D vay tiền, hai bên có viết biên nhận nợ vào các ngày 08/4/2012 âm lịch, số tiền là 35.000.000 đồng có chữ ký của ông Tải Hoàng T và bà Nguyễn Hồng D, biên nhận do bà D viết; vào ngày 28/7/2013 âm lịch, số tiền nợ cộng dồn là 50.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 9999, có chữ ký của ông Tải Hoàng T và bà Nguyễn Hồng D, biên nhận do bà D viết; vào ngày 25/12/2013 âm lịch, số tiền là 10.000.000 đồng, có chữ ký của bà Nguyễn Hồng D, biên nhận do bà D viết.

[3] Về chứng cứ: Nguyên đơn bà Trần Thị Cà B đã giao nộp cho Tòa án các biên nhận nêu trên và tại phiên hòa giải ngày 14/6/2023, bản tự khai ngày 13/6/2023, cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Hồng D cũng thừa nhận có vay của bà Trần Thị Cà B tổng số tiền bằng 60.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K loại vàng 9999, ông Tải Hoàng T cũng thừa nhận chữ ký trong 02 biên nhận do nguyên đơn bà Trần Thị Cà B nộp cho Tòa án là chữ ký của ông nên theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà Trần Thị Cà B không cần phải chứng minh.

Ông Tải Hoàng T và bà Nguyễn Hồng D cho rằng đã trả hết số tiền 60.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 cho bà Trần Thị Cà B nhưng quên nhận lại biên nhận và có yêu cầu bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Văn Đ làm chứng về việc đã trả hết số nợ trên cho bà Trần Thị Cà B. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Văn Đ đều khai có cho bà Nguyễn Hồng D mượn tiền trả nợ nhưng không tận mắt nhìn thấy bà Nguyễn Hồng D trả nợ cho bà Trần Thị Cà B. Mặt khác, đơn yêu cầu ngày 26/6/2023, bà Nguyễn Hồng D yêu cầu triệu tập bà Nguyễn Thị U làm chứng vì bà U đưa tiền cho bà mang đi trả bà Trần Thị Cà B 01 lần là 30.000.000 đồng và 01 lần là 20.000.000 đồng nhưng bà U khai "có hốt 01 chân hụi được 40.000.000 đồng và cho bà D mượn, bà D nói mượn tiền trả cho bà Cà B. Sau đó, chồng bà sang đất chồng bà có cho bà D và ông T mượn thêm 80.000.000 đồng, lúc đó, bà D cũng nói

trả cho bà Cà B 20.000.000 đồng". Bà D yêu cầu triệu tập ông Nguyễn Văn Đ làm chứng vì ông Đ là người cầm 20.000.000 đồng đưa cho bà mượn để trả cho bà Cà B số tiền 10.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K, nhưng ông Đ khai vợ chồng bà D và ông T lại nhà ông hỏi mượn ông hai lần tổng cộng bằng 50.000.000 đồng (lần đầu mượn 30.000.000 đồng và lần thứ hai mượn 20.000.000 đồng) đều nói trả cho bà Cà B. Như vậy, lời khai của bà Út, ông Đ và yêu cầu làm chứng của bà D không khớp nhau. Hơn nữa, số nợ này không nhỏ nhưng ông T khai khi ký biên nhận không đọc nên không biết số nợ là bao nhiêu và bà D cho rằng đã trả hết nợ cho bà Cà B mà ông T không hay biết là chưa phù hợp. Khi bà Cà B đòi nợ ông không hỏi ngay số nợ là bao nhiêu và cũng không hỏi có phải ông trả nợ cho các biên nhận mà ông đã ký hay không mà lại thỏa thuận trả tiền cho bà Cà B là không phù hợp với nội dung sự việc và không phù hợp với thực tế.

Tại phiên tòa, lời khai của bà Nguyễn Hồng D cũng khai nhận khi chồng bà hỏi bà Cà B số nợ bằng bao nhiêu thì bà Cà B có nhắn tin báo cho chồng bà số tiền 60.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K nhưng bà cho rằng chắc bà Cà B cộng dồn vốn lãi và bà cũng không quan tâm. Hơn nữa. tại phiên tòa, lời khai của bà Nguyễn Hồng D không thống nhất với nhau, lúc Chủ tọa hỏi bà D trả nợ cho bà Cà B khi nào thì bà D khai trả nợ cho bà Cà B vào năm 2015, đến khi Kiểm sát viên hỏi bà D trả nợ cho bà Cà B khi nào thì bà D trả lời trả nợ cho bà Cà B vào năm 2014. Trong biên bản hòa giải ngày 14/6/2023 và tại phiên tòa, bà D khai rằng trả nợ xong nhưng quên nhận lại biên nhận nhưng sau khi nghe Chủ tọa giải thích về tính hợp lý trong lời khai của mình thì bà D lại cho rằng bà không khai quên lấy lại biên nhận mà là do bà tin tưởng vào bà Trần Thị Cà B nên không lấy lại biên nhận chứ không có quên. Từ đó cho thấy lời khai của bà Nguyễn Hồng D là không trung thực.

Từ những chứng cứ trên cho thấy việc bà D và ông T khai đã trả hết số tiền 60.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K loại vàng 9999 cho bà Trần Thị Cà B nhưng không nhận lại biên nhận là không có cơ sở chấp nhận.

Từ năm 2019, bà Trần Thị Cà B có tìm ông Tải Hoàng T đòi nợ thì ông T có chuyển khoản trả cho bà Cà B từ tháng 10/2019 đến tháng 9/2022 với tổng số tiền bằng 15.500.000 đồng được các bên thống nhất. Đối với số tiền 20.000.000 đồng bà Nguyễn Hồng D khai bà Trần Thị Cà B cho vay mượn vào năm 2016 nhưng bà Trần Thị Cà B khẳng định không hề cho bà Nguyễn Hồng D vay mượn 20.000.000 đồng như bà D trình bày, ông T và bà D cũng không có chứng cứ chứng minh cho số tiền nợ này nên ông T và bà D đồng ý trả số tiền nợ còn bằng 20.000.000 đồng cho bà Trần Thị Cà B là không có cơ sở chấp nhận.

Số tiền, vàng ông Tải Hoàng T và bà Nguyễn Hồng D vay có biên nhận và có chữ ký của ông Tải Hoàng T và bà Nguyễn Hồng D, mục đích vay mượn tiền, vàng

để đầu tư vào tiệm bán điện thoại của gia đình là sử dụng chung cho gia đình trong thời gian ông Tải Hoàng T và bà Nguyễn Hồng D là vợ chồng hợp pháp nên bà Trần Thị Cà B yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Tải Hoàng T và bà Nguyễn Hồng D cùng trả nợ là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Bà Trần Thị Cà B rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền 44.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[5] Tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Giá vàng 24k, loại vàng 9999 niêm yết tại tiệm vàng Hồng Đào chợ Gò Quao ngày 08/8/2022 là 5.350.000 đồng/chỉ, là căn cứ tính án phí. Các đương sự thống nhất tính án phí căn cứ vào giá vàng này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí buộc ông Tải Hoàng T và bà Nguyễn Hồng D phải nộp 2.760.000 đồng [44.500.000 đồng + (02 chỉ vàng 24K x 5.350.000 đồng)] x 5%.

Bà Trần Thị Cà B không phải chịu án phí vì yêu cầu của bà được chấp nhận. Bà Trần Thị Cà B được nhận lại 1.360.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006739 ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 157, 357, 463, 466, 468 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 184, 217, 218, 219 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cà B.

Xử: Buộc ông Tải Hoàng T và bà Nguyễn Hồng D phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Cà B số tiền 44.500.000 (bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng và 02 chỉ vàng 24K loại vàng 9999.

Kể từ ngày bà Trần Thị Cà B có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Tải Hoàng T và bà Nguyễn Hồng D không trả đủ số tiền trên cho bà Trần Thị Cà B thì hàng tháng ông Tải Hoàng T và bà Nguyễn Hồng D còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều

357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền chưa trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cà B về việc tính lãi đối với số tiền 44.500.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Tải Hoàng T và bà Nguyễn Hồng D phải nộp số tiền 2.760.000 đồng.

Bà Trần Thị Cà B được nhận lại 1.360.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006739 ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang